

ĐỀ XUẤT KHUNG THIẾT KẾ CHATBOT AI HỖ TRỢ HỌC TẬP MÔN LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC LINH¹ - NGUYỄN VÂN KHÁNH¹ - DƯƠNG PHẠM TRÀ MI^{1*}

¹ Sinh viên, Trường Đại học Luật Hà Nội

Students, Hanoi Law University

* Email: ngoclinhnguyen0605@gmail.com

Ngày nhận bài: 7/8/2026

Ngày sửa bài: 20/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 7/9/2026

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu đề xuất khung thiết kế chatbot trí tuệ nhân tạo tạo sinh hỗ trợ học tập môn Luật Tổ tụng hình sự ở Việt Nam. Bằng phân tích pháp luật, tổng hợp định tính tài liệu và khoa học thiết kế, nghiên cứu chuyển đặc thù học phần thành yêu cầu có thể kiểm định. Kết quả gồm ma trận yêu cầu, khung năm thành phần và quy trình kiểm định trước triển khai, đồng thời phân biệt nghĩa vụ pháp lý với khuyến nghị kỹ thuật, đạo đức. Do chưa xây dựng nguyên mẫu và chưa có dữ liệu người học, nghiên cứu chỉ khẳng định tính hợp lý và khả năng kiểm định của thiết kế đề xuất, không kết luận về hiệu quả thực tế.

Từ khóa: chatbot AI, Luật Tổ tụng hình sự, tạo sinh tăng cường truy xuất, giáo dục luật, AI có trách nhiệm

A proposed design framework for an AI chatbot supporting the study of Criminal Procedure Law in Vietnam

Abstract:

This study proposes a design framework for an artificial intelligence chatbot to support the study of Criminal Procedure Law in Vietnam. Through doctrinal legal analysis, directed qualitative synthesis, and design science, the study translates the specific characteristics of the course into testable design requirements. The results comprise a requirements matrix, a five-component design framework, and a pre-deployment evaluation protocol, while also distinguishing legal obligations from technical and ethical recommendations. As no prototype has yet been developed and no learner data have been collected, the study establishes only the conceptual coherence and testability of the proposed design and does not draw conclusions regarding its actual learning effectiveness.

Keywords: AI chatbot, Criminal Procedure Law, retrieval-augmented generation, legal education, responsible AI

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh cho phép sinh viên yêu cầu giải thích khái niệm, tóm tắt tài liệu và nhận phản hồi tức thời, đồng thời làm phát sinh rủi ro về độ chính xác và sự lệ thuộc (Kasneci et al., 2023). Trong giáo dục luật, câu trả lời trôi chảy vẫn có thể viển vông sai điều luật, dùng văn bản hết hiệu lực hoặc bỏ qua dữ kiện quyết định kết quả. Nghiên cứu của Choi và cộng sự cho thấy, ChatGPT đạt mức điểm trung bình tương đương sinh viên loại C+ trong 4 học phần luật (Choi et al., 2022). Kanapathy và Shamini ghi nhận kết quả kiểm tra của 64 sinh viên năm thứ nhất được cải thiện khi dùng ChatGPT, nhưng nghiên cứu không có nhóm đối chứng và chưa cho thấy tác động rõ đối với mức tư duy pháp lý cao nhất (Kanapathy & Shamini, 2026). Chatbot vì vậy có thể hỗ trợ học tập nhưng không phải nguồn pháp lý tự xác thực.

Rủi ro này rõ hơn trong Luật Tố tụng hình sự, nơi kết luận phụ thuộc vào giai đoạn tố tụng, tư cách chủ thể, thẩm quyền, căn cứ, thời hạn và phiên bản văn bản. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bởi Luật số 99/2025/QH15 và hợp nhất tại Văn bản số 104/VBHN-VPQH (Quốc hội, 2015; Quốc hội, 2025b), (Văn phòng Quốc hội, 2025). Chatbot không kiểm soát nguồn và phiên bản có thể tạo câu trả lời hợp lý về ngôn ngữ nhưng sai bối cảnh pháp lý.

Khoảng trống nghiên cứu là thiếu một khung liên kết độ tin cậy pháp lý, mục tiêu học tập và quản trị để phát triển, kiểm định chatbot chuyên biệt. Bài viết trả lời hai câu hỏi: đặc thù học phần dẫn đến yêu cầu thiết kế nào; và các yêu cầu đó được tổ chức thành khung chức năng, kiểm soát, đánh giá ra sao? Kết quả là tạo tác khái niệm có thể chuyển thành nguyên mẫu, không phải bằng chứng về hiệu quả thực tế.

2. Cơ sở phân tích và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm và khung phân tích

Chatbot AI chuyên biệt trong nghiên cứu này là hệ thống tương tác bằng ngôn ngữ tự nhiên, giới hạn theo nội dung học phần, sử dụng kho tri thức đã lựa chọn và tuân theo quy tắc sư phạm, quản trị của cơ sở đào tạo. “Phản hồi” là nội dung chatbot tạo cho người học. “Quản trị chatbot có trách nhiệm” là việc phân định vai trò và kiểm soát nguồn, dữ liệu cá nhân, lỗi hệ thống, quyền tác giả, sự giám sát của con người. “Khung thiết kế” mô tả thành phần, quan hệ và tiêu chí kiểm định, không đồng nghĩa với phần mềm đã hoàn thiện.

Tạo sinh tăng cường truy xuất, tiếng Anh là retrieval-augmented generation (RAG), kết hợp mô hình tạo sinh với thông tin lấy từ kho tri thức bên ngoài (Lewis et al., 2020). Một hệ thống RAG dành cho sinh viên luật tại Ghana đã được triển khai với hơn 12.000 bản án, 1.400 văn bản pháp luật và 3.100 người dùng trong 30 tháng, cho thấy tính khả thi của hướng chuyên biệt hóa (Boateng et al., 2026). Tuy vậy, RAG không tự bảo đảm độ đúng. LegalBench-RAG nhấn mạnh truy xuất đoạn ngắn, trực tiếp liên quan (Pipitone & Alami, 2024); Legal RAG Bench cho thấy, truy xuất ảnh hưởng lớn đến độ chính xác và tính có căn cứ của phản hồi (Butler & Butler, 2026). Thiết kế chatbot pháp luật vì vậy phải kiểm soát dữ liệu, truy xuất và cách trình bày kết luận.

Nhóm tác giả tổng hợp 3 tiêu chí phân tích. Độ tin cậy pháp lý yêu cầu đúng nguồn, phiên bản, phạm vi và dẫn được đến điều, khoản. Khả năng hỗ trợ học tập yêu cầu công cụ giúp sinh viên nhận diện vấn đề, tìm căn cứ, tự kiểm tra lập luận thay vì tạo sẵn bài làm. Quản trị có trách nhiệm gồm bảo vệ dữ liệu, quyền tác giả, minh bạch giới hạn và duy trì sự can thiệp của con người. Đây là khung phân tích do nghiên cứu đề xuất, chưa phải mô hình lý thuyết đã được kiểm chứng.

2.2. Phương pháp và quy trình xây dựng khung

Phân tích pháp luật được dùng để xác định đặc điểm của Luật Tố tụng hình sự và nghĩa vụ liên quan đến dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ, hoạt động AI. Phân tích định tính có định hướng được áp dụng với nghiên

cứu về chatbot trong giáo dục luật, RAG pháp lý và rủi ro AI tạo sinh. Tài liệu phải liên quan ít nhất một tiêu chí phân tích; công trình có phương pháp, dữ liệu hoặc tiêu chí đánh giá rõ được ưu tiên.

Khoa học thiết kế được vận dụng ở giai đoạn hình thành tạo tác khái niệm. Theo Peffers và cộng sự, quy trình gồm nhận diện vấn đề, xác định mục tiêu, thiết kế tạo tác, trình diễn, đánh giá và truyền đạt. Nghiên cứu thực hiện 3 công đoạn đầu và lập kế hoạch đánh giá; chưa trình diễn, đánh giá do chưa có nguyên mẫu. 4 bước phân tích là: xác định đặc thù và rủi ro; chuyển rủi ro thành yêu cầu có thể quan sát; nhóm yêu cầu thành thành phần chức năng hoặc kiểm soát; xác lập chỉ số và tình huống kiểm thử (Peffers et al., 2007).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Chuyển hóa đặc thù học phần thành yêu cầu thiết kế chatbot

Luật Tổ tụng hình sự được tổ chức theo các giai đoạn; cùng một biện pháp có thể khác về thẩm quyền, căn cứ và thủ tục. Khung đề xuất vì vậy yêu cầu chatbot nhận diện hoặc hỏi bổ sung giai đoạn, tư cách chủ thể, thời điểm và quyền bị tác động trước khi kết luận. Đây là yêu cầu cần kiểm định trên nguyên mẫu, không phải hành vi sẵn có của mọi chatbot.

Nguồn pháp lý cũng khác nhau về giá trị và chức năng. Văn bản quy phạm cung cấp quy tắc bắt buộc; bản án, hướng dẫn và tài liệu thực tiễn hỗ trợ nhận biết cách áp dụng; giáo trình, bài báo thể hiện cách giải thích hoặc quan điểm. Vì thế, nguồn cần được gắn nhãn về loại, cơ quan hoặc tác giả, hiệu lực, sửa đổi và phạm vi sử dụng. Chatbot nên tách quy phạm khỏi giải thích, không biến quan điểm học thuật thành nghĩa vụ pháp lý.

Mục tiêu học phần là phát triển năng lực phát hiện vấn đề, chọn căn cứ và lập luận. Để tránh làm thay sinh viên, khung đề xuất hỗ trợ theo mức: yêu cầu người học nêu vấn đề và nguồn dự kiến, tiếp đó đặt câu hỏi gợi mở, chỉ cung cấp lời giải mẫu khi nhiệm vụ cho phép. Bảng 1 khái quát chuỗi đặc thù, rủi ro và yêu cầu thiết kế.

Bảng 1. Từ đặc thù học phần đến yêu cầu thiết kế

Đặc thù	Rủi ro đối với chatbot	Yêu cầu thiết kế đề xuất	Dấu hiệu kiểm định
Kết luận phụ thuộc giai đoạn, chủ thể và thời điểm	Suy đoán dữ kiện hoặc áp dụng sai bối cảnh	Hỏi bổ sung dữ kiện thiết yếu trước khi kết luận	Tỷ lệ nhận biết tình huống thiếu dữ kiện và hỏi lại phù hợp
Nguồn có thứ bậc, chức năng và phiên bản khác nhau	Dẫn sai nguồn hoặc dùng văn bản hết hiệu lực	Gắn metadata, ưu tiên nguồn chính thức, quản lý phiên bản	Độ chính xác của nguồn, hiệu lực và điều khoản được dẫn
Học tập đòi hỏi lập luận của sinh viên	Công cụ tạo đáp án thay người học	Gợi mở theo mức, yêu cầu người học nêu lập luận trước	Mức độ tham gia của người học và chất lượng lập luận độc lập
Nội dung liên quan quyền con người và thủ tục hạn chế quyền	Câu trả lời giản lược điều kiện, ngoại lệ hoặc cơ chế kiểm soát	Trình bày căn cứ, điều kiện, quyền liên quan và giới hạn kết luận	Đánh giá của chuyên gia về tính đầy đủ và cân bằng
Cá nhân hóa có thể sử dụng lịch sử học tập	Thu thập quá mức hoặc sử dụng sai mục đích	Giới hạn dữ liệu, phân quyền và cho phép người học thực hiện quyền	Mức tuân thủ quy trình dữ liệu và số sự cố được ghi nhận

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất.

3.2. Khung thiết kế 5 thành phần

Khung 5 thành phần không được sao chép nguyên trạng từ 1 mô hình có sẵn mà là kết quả tổng hợp của nghiên cứu. Định hướng chương trình và tương tác sư phạm được rút từ mục tiêu học phần và yêu cầu không làm thay người học; cơ sở tri thức, truy xuất và tạo phản hồi kế thừa logic của RAG và các nghiên cứu kiểm định truy xuất (Butler & Butler, 2026; Lewis et al., 2020; Pipitone & Alami, 2024); quản trị và giám sát được hình thành từ yêu cầu pháp luật và nguyên tắc AI có trách nhiệm. 4 thành phần đầu tạo luồng từ yêu cầu học tập đến phản hồi; thành phần quản trị và giám sát tác động xuyên suốt.

Thành phần thứ nhất là định hướng chương trình và chuẩn đầu ra. Thành phần này xác định phạm vi, mục tiêu chủ đề, mức độ nhận thức, dạng nhiệm vụ và giới hạn hỗ trợ. Yêu cầu của sinh viên nên được đối chiếu với chủ đề và chế độ học tập trước khi truy xuất. Giảng viên có thể quyết định nhiệm vụ chỉ được gợi ý, nhiệm vụ được xem lời giải và trường hợp phải chuyển cho người có chuyên môn.

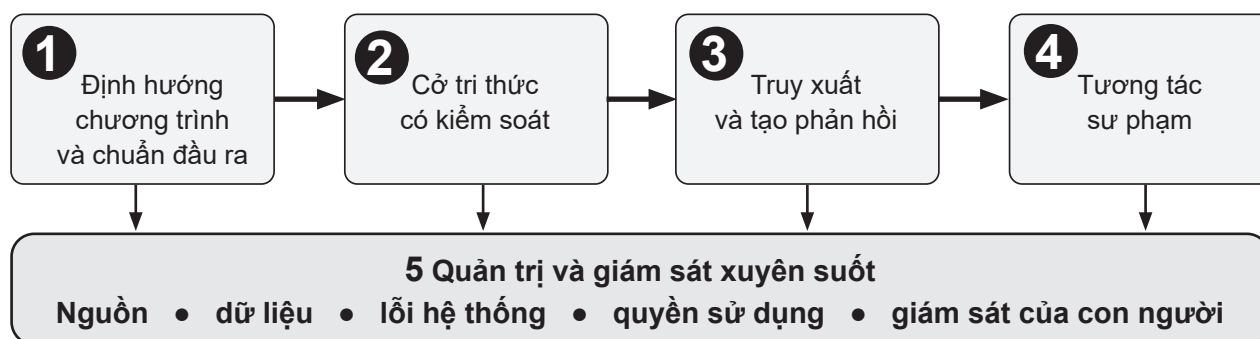
Thành phần thứ hai là cơ sở tri thức có kiểm soát. Kho gồm văn bản pháp luật, tài liệu hướng dẫn và thực tiễn, học liệu, ngân hàng câu hỏi đã thẩm định. Mỗi tài liệu cần có metadata về số hiệu hoặc tác giả, loại nguồn, chủ đề, hiệu lực, quan hệ sửa đổi, quyền sử dụng và phiên bản. Tài liệu quét phải được kiểm tra sau nhận dạng ký tự. Khi văn bản mới có hiệu lực, người phụ trách cần cập nhật quan hệ thay thế và loại phiên bản cũ khỏi kết quả mặc định.

Thành phần thứ ba là truy xuất và tạo phản hồi. Hệ thống phân loại câu hỏi, nhận biết dữ kiện thiếu, truy xuất và xếp hạng đoạn nguồn theo giá trị pháp lý, hiệu lực, mức liên quan. Khung đề xuất phản hồi gồm nhận định có điều kiện, căn cứ đến điều và khoản, giải thích, dữ kiện có thể làm thay đổi kết quả và đường dẫn kiểm chứng. Khi nguồn không đủ, xung đột phiên bản hoặc yêu cầu vượt phạm vi, hệ thống từ chối kết luận và nêu lý do. Cơ chế hỏi lại, từ chối chỉ được xác nhận sau thử nghiệm.

Thành phần thứ tư là tương tác sư phạm. Chế độ giải thích trình bày khái niệm theo mức độ và gắn nguồn. Chế độ hướng dẫn tình huống đặt câu hỏi về giai đoạn, thẩm quyền, căn cứ, thời hạn và hậu quả. Chế độ luyện tập tạo câu hỏi theo chuẩn đầu ra, phản hồi lỗi và yêu cầu sửa lập luận. Chế độ kế hoạch học tập đề xuất nội dung ôn từ kết quả bài luyện, chỉ hoạt động trong phạm vi dữ liệu người học đã được thông báo; hệ thống không tự quyết định điểm.

Thành phần thứ năm là quản trị và giám sát. Cơ sở đào tạo cần phân định người phê duyệt nguồn, cập nhật pháp luật, xử lý lỗi và giám sát dữ liệu. Nhật ký cho phép truy vết nguồn, phiên bản mô hình, cảnh báo và thao tác sửa. Báo lỗi của người học nên được phân tích để xác định nguyên nhân từ dữ liệu, truy xuất, quy tắc sư phạm hay tạo nội dung. Dữ liệu tổng hợp có thể hỗ trợ điều chỉnh bài giảng nhưng không được dùng ngoài mục đích đã công bố.

Hình 1. Quan hệ giữa 5 thành phần của khung thiết kế



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất.

Khung có hai vòng phản hồi. Trong từng lượt, định hướng chương trình giới hạn yêu cầu, kho tri thức cung cấp nguồn, RAG tạo nội dung và giao diện điều chỉnh mức hỗ trợ. Ở vòng cải tiến, kết quả kiểm thử và báo lỗi được phân tích để sửa nguồn, truy xuất hoặc hướng dẫn sử dụng. Chất lượng vì vậy phụ thuộc cả mô hình ngôn ngữ, nội dung, mục tiêu đào tạo và quản trị.

3.3. Yêu cầu pháp lý và khuyến nghị quản trị

Cần tách nghĩa vụ pháp luật khỏi khuyến nghị kỹ thuật. Nếu chức năng kế hoạch học tập lưu lịch sử hội thoại, kết quả luyện tập hoặc phần kiến thức còn yếu, hệ thống thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân. Điều 3 Luật số 91/2025/QH15 xác lập quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu; các điều 5, 6 và 9 quy định về sự đồng ý, rút lại sự đồng ý, hạn chế xử lý và xóa, hủy dữ liệu (Quốc hội, 2025a). Tùy cách tổ chức, cơ sở đào tạo và nhà cung cấp phải xác định vai trò, mục đích, loại dữ liệu, thời gian lưu, phạm vi tiếp cận và cơ chế thực hiện quyền; Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định chi tiết việc thi hành (Chính phủ, 2025).

Từ đó, nghiên cứu đề xuất giảm dữ liệu thu thập, phân quyền, mã hóa, tách định danh khi có thể, quy định thời hạn lưu và ghi nhật ký. Đây là biện pháp hỗ trợ tuân thủ, không phải tất cả đều là câu chữ bắt buộc của luật.

Tài liệu xuất hiện trên mạng vẫn có thể được bảo hộ quyền tác giả. Luật số 131/2025/QH15 bổ sung cơ chế khai thác dữ liệu để nghiên cứu, thử nghiệm và huấn luyện hệ thống AI với điều kiện không ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, tác giả (Quốc hội, 2025c). Vì vậy, việc sao chép, lập chỉ mục và hiển thị giáo trình, bài giảng, ngân hàng câu hỏi phải được xem xét theo mục đích, căn cứ sử dụng và phạm vi cấp phép; kho tri thức cần lưu thông tin về quyền sử dụng, còn phản hồi chỉ trích phần cần thiết và ghi nguồn.

Khoản 1, 2 và 3 Điều 4 Luật số 134/2025/QH15 xác lập nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, duy trì khả năng kiểm soát, can thiệp của con người, bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình (Quốc hội, 2025d). Chatbot vì vậy cần công khai giới hạn, cho phép báo lỗi và không thay quyết định đánh giá chính thức của giảng viên. Phân loại rủi ro phải dựa vào chức năng cụ thể, không mặc nhiên coi mọi chatbot giáo dục là hệ thống rủi ro cao.

Liên chính học thuật thuộc quản trị đào tạo. Học phần cần quy định nhiệm vụ được dùng AI, mức hỗ trợ và cách khai báo, phù hợp với định hướng sử dụng AI có trách nhiệm trong giáo dục (UNESCO, 2023). Chatbot nên gợi ý theo mức, được thiết kế để từ chối tạo bài nộp trực tiếp khi nhiệm vụ cấm AI. Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên giải thích nguồn, bảo vệ lập luận hoặc sửa câu trả lời sai, thay vì chỉ dựa vào công cụ phát hiện nội dung AI.

3.4. Khung kiểm định trước triển khai

Nguyên mẫu nên bắt đầu với chủ đề có phạm vi rõ như biện pháp ngăn chặn, chứng cứ hoặc thẩm quyền điều tra. Bộ kiểm thử gồm quy định còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, tình huống thiếu dữ kiện, vấn đề nhiều quan điểm và câu hỏi vượt phạm vi. Chuyên gia đánh giá việc nhận diện vấn đề, chọn nguồn, dẫn điều khoản, giải thích và từ chối. Ngưỡng chấp nhận nên được xác lập trước thử nghiệm chính thức từ kết quả thí điểm, mức rủi ro và ý kiến chuyên môn.

Đánh giá kỹ thuật phải tách truy xuất khỏi tạo phản hồi. Chỉ số gồm tỷ lệ truy xuất đúng, độ chính xác phiên bản, khả năng kiểm tra dẫn chiếu, mức độ mệnh đề được nguồn hỗ trợ, từ chối phù hợp và thời gian phản hồi. Đánh giá sử dụng nên so sánh người dùng chatbot chuyên biệt với nhóm dùng chatbot đa dụng hoặc cách học thông thường, sử dụng đề tương đương và bài kiểm tra tri hoãn. Ngoài điểm số, cần đo khả năng xác định vấn đề, chọn căn cứ, lập luận, tự kiểm chứng và nguy cơ lệ thuộc.

Việc tham gia nghiên cứu phải tự nguyện và không ảnh hưởng bất lợi đến điểm chính thức. Chỉ nên mở

rộng khi nguyên mẫu đạt tiêu chí đã công bố, có quy trình ứng phó sự cố và hoàn thành rà soát quyền sử dụng học liệu. Kiểm thử phải lặp lại khi pháp luật, kho tri thức hoặc mô hình nền thay đổi.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã chuyển các đặc thù của môn Luật Tố tụng hình sự thành yêu cầu thiết kế có thể truy nguyên và kiểm định, từ đó đề xuất khung 5 thành phần gồm định hướng chương trình, cơ sở tri thức có kiểm soát, truy xuất và tạo phản hồi, tương tác sự phạm, quản trị và giám sát. Khung phân biệt nguồn quy phạm với quan điểm học thuật, nghĩa vụ pháp lý với khuyến nghị kỹ thuật, và hỗ trợ học tập với việc làm thay sinh viên.

Kết quả hiện dừng ở tạo tác khái niệm. Nghiên cứu chưa chứng minh chatbot làm tăng kết quả học tập, giảm sai lệch pháp lý hoặc cá nhân hóa hiệu quả. Bước tiếp theo là xây dựng nguyên mẫu trong phạm vi hẹp, kiểm định độc lập về nguồn và dẫn chiếu, sau đó thực hiện nghiên cứu sự phạm có đối chứng. Chỉ dữ liệu từ các bước này mới cho phép kết luận về khả năng triển khai rộng trong đào tạo luật ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Chính phủ (2025). Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, <https://chinhphu.vn/?classid=1&docid=216387&pageid=27160&typegroupid=4>.
- Quốc hội (2015). Luật số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015 Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Quốc hội (2025a). Luật số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=214590&pageid=27160>.
- Quốc hội (2025b). Luật số 99/2025/QH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự, <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=214557&pageid=27160&typegroupid=3>.
- Quốc hội (2025c). Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=216511&pageid=27160&typegroupid=3>.
- Quốc hội (2025d). Luật số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025 Luật Trí tuệ nhân tạo, <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=216334&pageid=27160&typegroupid=3>.
- Văn phòng Quốc hội (2025). Văn bản hợp nhất số 104/VBHN-VPQH ngày 27/8/2025 Bộ luật Tố tụng hình sự, <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=2629&docid=215223&pageid=27160>.
- Boateng, G. và cộng sự (2026). Eskwai for Students: Generative AI assistant for legal education in Ghana. arXiv, <https://doi.org/10.48550/arXiv.2605.15380>.
- Butler, A.-R. & Butler, U. (2026). Legal RAG Bench: An end-to-end benchmark for legal RAG. arXiv, <https://doi.org/10.48550/arXiv.2603.01710>.
- Choi, J. H. và cộng sự (2022), ChatGPT goes to law school. Journal of Legal Education, 71(3), tr. 387-400, https://scholarship.law.umn.edu/faculty_articles/1044/.
- Kanapathy, J. & Shamini, J. A. (2026). Evaluating the role of ChatGPT as a legal educational companion. Asia Pacific Journal of Educators & Education, 41(1), tr. 111-131, <https://doi.org/10.21315/apjee2026.41.1.6>.
- Kasneci, E. và cộng sự (2023). ChatGPT for good? On opportunities & challenges of large language models for education. Learning & Individual Differences, 103, 102274, <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274>.
- Lewis, P. và cộng sự (2020). Retrieval-augmented generation for knowledge-intensive NLP tasks. Advances in Neural Information Processing Systems, 33, tr. 9459-9474, <https://doi.org/10.48550/arXiv.2005.11401>.
- Peppers, K. và cộng sự (2007). A design science research methodology for information systems research. Journal of Management Information Systems, 24(3), tr. 45-77, <https://doi.org/10.2753/MIS0742-1222240302>.
- Pipitone, N. & Alami, G. H. (2024). LegalBench-RAG: A benchmark for retrieval-augmented generation in the legal domain. arXiv, <https://doi.org/10.48550/arXiv.2408.10343>.
- UNESCO (2023). Guidance for generative AI in education & research, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693>.